

	6	7	8
		11	12
		15	16

Chú thích Khu vực giả định ngập lụt do lũ lụt



浸水深が3m以上になるおそれのある区域
Khu vực có nguy cơ ngập sâu từ 3m trở lên

Chú thích Khu vực giả định ngập lụt do hồ chứa

Chú thích Thảm họa sạt lở đất

**土砂災害特別警戒区域
(土石流・急傾斜地)**
Khu vực cảnh báo đặc biệt về thảm họa sạt lở đất
(lũ bùn đá, sạt lở sườn dốc)

Khu vực nền đất đắp quy mô lớn

Địa điểm có nguy cơ xảy ra thảm họa sạt lở đất mới
(cột 1) và vùng đất đã bị sạt lở (cột 2)

北上低地西缘断陷带

 **河川監視カメラ**
Camera giám sát sông ngòi

Chú thích Nội lách nạn

1 指定緊急避難場所のみ

